

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/DSST

Ngày: 19-7-2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Mên

2. Ông Nguyễn Tấn Sĩ

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Minh Trí, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Lý Phước Bên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2024/QĐXXST-DS ngày 03/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1958 có mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn:

1. Ông Thạch R, sinh năm 1970 có mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Ông Thạch Ú, sinh năm 1947 có mặt.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông Kim Na R1 – Nguyên cán bộ Phòng Giáo dục và đào tạo huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Văn Đ trình bày: Vào ngày 19/01/2018 ông Thạch R có vay của ông số tiền 145.000.000 đồng về làm vốn sản xuất và buôn bán cùng ông Thạch Ú, hai bên có lập hợp đồng vay tiền, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi đóng hàng tháng và ông Thạch R có thể chấp cho ông hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Thạch Ú đứng tên và một tờ ủy quyền từ ông Thạch Ú ủy quyền cho ông Thạch R hai giấy đất gồm: Thửa đất số 195, diện tích 1.950m², tờ bản đồ số 7 và thửa đất số 646, diện tích 3.090m², tờ bản đồ số 6, cùng tọa lạc xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Thạch Ú đứng tên quyền sử dụng đất. Từ ngày vay cho đến nay ông Thạch R không trả tiền gốc lẫn lãi cho ông. Do đó nay ông yêu cầu ông Thạch R phải trả số tiền vay còn nợ gồm: Nợ gốc 145.000.000 đồng và nợ lãi từ ngày 19/01/2018 đến ngày 19/12/2023 là 85.792.000 đồng, tổng cộng 230.719.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông Trần Văn Đ chỉ yêu cầu Thạch R phải có nghĩa vụ trả cho ông nợ gốc là 145.000.000 đồng và nợ lãi là 80.000.000 đồng, không yêu cầu ông Thạch Ú phải có nghĩa vụ cùng với ông R trả số tiền trên và ông sẽ trả lại 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Thạch Ú đứng tên cho ông Thạch R.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Thạch R trình bày: Vào năm 2018 ông có vay của ông Trần Văn Đ số tiền 145.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng. Hẹn sau 12 tháng sẽ trả vốn, lãi đóng hàng tháng, mục đích vay để kinh doanh mua bán bò và ông có đưa 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 195, diện tích 1.950m², tờ bản đồ số 7 và thửa đất số 646, diện tích 3.090m², tờ bản đồ số 6, cùng tọa lạc xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Thạch Ú đứng tên quyền sử dụng đất. Hai thửa đất trên ông mua của ông Thạch Ú với giá là 35.000.000 đồng nhưng hai bên chưa làm thủ tục sang tên. Việc vay mượn tiền chỉ có ông vay của ông Đ còn ông Thạch Ú không có vay nên ông Thạch Ú không có liên quan gì đến vụ việc này. Từ khi vay đến nay ông không trả gốc và lãi cho ông Đ nay ông chấp nhận trả số tiền 145.000.000 đồng và xin miễn tiền lãi vì nay hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

- Tại bản khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Thạch Ú trình bày: Trước đây ông có bán đất cho ông Thạch R 02 thửa đất gồm: Thửa đất số 195, diện tích 1.950m², tờ bản đồ số 7 và thửa đất số 646, diện tích 3.090m², tờ bản đồ số 6, cùng tọa lạc xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông đứng tên quyền sử dụng đất và ông đã giao giấy đất cho ông Thạch R nhưng chưa làm thủ tục sang tên còn việc vay mượn tiền giữa ông Thạch R và ông Đ thì ông không biết nên việc ông Đ yêu cầu ông cùng ông Thạch R trả nợ cho ông Đ số tiền mà ông R đã vay thì ông không đồng ý. Ngoài ra ông không yêu cầu gì trong vụ án này.

Kiểm sát Viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng

xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463; Điều 466; Điều 468 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Thạch R phải trả số tiền 225.000.000 đồng, trong đó nợ gốc là 145.000.000 đồng và lãi là 80.000.000 đồng. Đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Thửa đất số 195, diện tích 1.950m², tờ bản đồ số 7 và thửa đất số 646, diện tích 3.090m², thuộc tờ bản đồ số 6, cùng tọa lạc xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Thạch Ú đứng tên quyền sử dụng đất buộc ông Trần Văn Đ phải có nghĩa vụ giao trả lại 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông Thạch R.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc ông Thạch R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn Đ khởi kiện yêu cầu ông Thạch R và ông Thạch Ú thực hiện nghĩa vụ hợp đồng vay tài sản còn nợ, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Thạch R có nơi cư trú tại ấp B, xã N, huyện C; Ông Thạch Ú có nơi cư trú tại ấp C, xã T, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Giao dịch vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn được ký kết ngày 19/01/2018, tính đến ngày khởi kiện đã trên 03 năm, tuy nhiên các đương sự không ai đặt ra yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi xét xử sơ thẩm nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 429; điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong vụ án này.

[3] Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Trần Văn Đ yêu cầu ông Thạch R và ông Thạch Ú phải trả số tiền đã vay là 145.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Thạch R phải trả số tiền vay 145.000.000 đồng không yêu cầu ông Thạch Ú phải có nghĩa vụ cùng ông Thạch R trả số tiền trên. Do đó Hội đồng xét xử căn

cứ vào Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu buộc ông Thạch Ú có nghĩa vụ cùng với ông Thạch R trả số tiền vay 145.000.000 đồng. Căn cứ vào hợp đồng vay tài sản ngày 19/01/2018 do nguyên đơn cung cấp thể hiện ông Thạch R có vay của ông Đ số tiền 145.000.000 đồng từ khi vay đến nay ông Thạch R không trả được bất cứ khoản tiền nào cho ông Đ và trong quá trình giải quyết vụ án ông Thạch R cũng thừa nhận là có vay của ông Đ số tiền 145.000.000 đồng nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy việc ông Thạch R chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ. Do đó, việc nguyên đơn ông Trần Văn Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Thạch R trả số tiền vay còn nợ 145.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015.

[3.1] Về lãi suất: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu ông Thạch R phải trả lãi suất là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng tính từ ngày 19/01/2018 đến ngày 19/12/2023 là 71 tháng với số tiền là 85.792.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, theo hợp đồng vay thì thời hạn trả nợ là 12 tháng nhưng từ ngày vay đến nay bị đơn không thực hiện việc trả nợ nên nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự trên số tiền 145.000.000 đồng tương ứng với thời gian chậm trả từ ngày 19/01/2018 đến ngày 19/12/2023 với số tiền là 85.792.000 đồng. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thay đổi yêu cầu về phần lãi suất yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với số tiền là 80.000.000 đồng, việc thay đổi yêu cầu này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với bị đơn ông Thạch R xin được miễn tiền lãi nhưng yêu cầu này của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

[3.2] Đối với hai (02) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 195, diện tích 1.950m², tờ bản đồ số 7 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 646, diện tích 3.090m², thuộc tờ bản đồ số 6, cùng tọa lạc xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Thạch Ú đứng tên quyền sử dụng đất hiện do ông Trần Văn Đ cất giữ. Để đảm bảo cho khoản vay số tiền 145.000.000 đồng nên ông Thạch R có thể chấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Thạch Ú đứng tên. Xét thấy ông Đ không đăng ký kinh doanh cầm cố, thế chấp tài sản, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Đ cầm của ông R không nằm trong hợp đồng vay và bảo đảm khoản vay nên việc ông Đ giữ bản chính 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là không đúng quy định pháp luật, mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án ông Thạch R và ông Thạch Ú thừa nhận là ông Ú đã bán 02 thửa đất trên cho ông Thạch R nhưng hai bên chưa làm thủ tục sang tên và ông Ú cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này. Do đó buộc ông Trần Văn Đ phải có trách nhiệm trả lại cho ông Thạch R bản chính hai (02) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 195, diện tích 1.950m², tờ bản đồ số 7 và

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 646, diện tích 3.090m², thuộc tờ bản đồ số 6, cùng tọa lạc ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Thạch Ú vào ngày 09/5/1996.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Ông Thạch R phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét về quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; các điều 35; 39; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357; 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Đ.

- Buộc ông Thạch R trả cho ông Trần Văn Đ tổng số tiền vay còn nợ là 225.000.000 đồng (*Trong đó nợ gốc: 145.000.000 đồng, nợ lãi là: 80.000.000 đồng*).

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Đ về việc buộc ông Thạch Ú có nghĩa vụ cùng với ông Thạch R trả tổng số tiền 225.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, về lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Buộc ông Trần Văn Đ phải trả lại bản chính hai (02) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Thạch R gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 195, diện tích 1.950m², tờ bản đồ số 7 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 646, diện tích 3.090m², thuộc tờ bản đồ số 6, cùng tọa lạc ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Thạch Ú vào ngày 09/5/1996.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Thạch R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 11.250.000 đồng.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Hùng Anh